

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 152 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp một lần cho phó trưởng công an xã, công an viên nghỉ việc theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2021;

Theo đề nghị của UBND các huyện: Trà Bồng tại Công văn số 2051/UBND-NV ngày 01/9/2020, Nghĩa Hành tại Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 15/7/2020, Tư Nghĩa tại Công văn số 2076/UBND ngày 21/9/2020, Bình Sơn tại Tờ trình số 221/TTr-UBND ngày 04/11/2020 và thị xã Đức Phổ tại Công văn số 640/UBND ngày 12/3/2020 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại các Công văn số 3201/STC-NS ngày 31/12/2020, số 169/STC-NS ngày 21/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết 1.137.670.000 đồng từ nguồn chi thường xuyên khác ngân sách tỉnh năm 2021 được giao tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh cho các huyện: Trà Bồng, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Bình Sơn và thị xã Đức Phổ để thực hiện chi trả trợ cấp một lần cho phó trưởng công an xã, công an viên nghỉ việc theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP của Chính phủ. (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp phát kinh phí kịp thời cho UBND các huyện, thị xã tại Điều 1 Quyết định này.

2. UBND các huyện: Trà Bồng, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Bình Sơn và thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện: Trà Bồng, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Bình Sơn và thị xã Đức Phổ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UB: PVP(PT), NC, CBTH;
- Lưu: VT,KT^{Tiền}37.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

PHỤ LỤC

**KINH PHÍ THỰC HIỆN CHI TRẢ TRỢ CẤP MỘT LẦN CHO PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN XÃ,
CÔNG AN VIÊN NGHỈ VIỆC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2009/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**
(Kèm theo Quyết định số **152** /QĐ-UBND ngày **27/01/2021** của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: đồng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh trước khi nghỉ việc	Thời điểm giữ chức danh	Thời điểm thôi giữ chức danh	Tổng thời gian giữ chức danh	Trong đó		Lương và phụ cấp bình quân để tính trợ cấp	Tổng kinh phí chi trả trợ cấp 01 lần (quy tròn)	Ghi chú
							Thời gian đã hưởng theo chính sách BHXH	Thời gian được tính trợ cấp 01 lần (năm)			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)*(11)*1,5	(13)
TỔNG CỘNG											
I	Huyện Trà Bồng Xã Trà Sơn									1.137.670.000	36.042.000
1	Đình Văn Trà	16/4/1965	Công an viên thôn Sơn Thành	10/4/2000	31/10/2019	19 năm 7 tháng		20	1.201.403	36.042.000	
II	Huyện Nghĩa Hành Xã Hành Tín Đông									321.981.000	
2	Trần Văn Đức	11/11/1964	Công an viên thôn Thiên Xuân	21/02/2000	04/10/2019	19 năm 7 tháng		20	1.559.583	46.787.000	
	Xã Hành Tín Tây										
3	Trương Đăng Khoa	18/6/1972	Công an viên thôn Tân Phú I	01/10/2001	01/10/2019	18 năm		18	1.573.750	42.491.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh trước khi nghỉ việc	Thời điểm giữ chức danh	Thời điểm thôi giữ chức danh	Tổng thời gian giữ chức danh	Trong đó		Luong và phụ cấp bình quân để tính trợ cấp	Tổng kinh phí chi trả trợ cấp 01 lần (quy tròn)	Ghi chú
							Thời gian đã hưởng theo chính sách BHXH	Thời gian được tính trợ cấp 01 lần (năm)			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)*(11)*1,5	(13)
4	Nguyễn Thái	28/02/1966	Công an viên thôn Tân Phú II	14/02/2000	01/10/2019	19 năm 7 tháng		20	1.573.750	47.213.000	
	Xã Hành Thịnh										
5	Huỳnh Ngọc Đạo	16/7/1964	Công an viên thôn Châu Me	01/7/1999	09/10/2019	20 năm 3 tháng		20,5	1.573.750	48.393.000	
6	Lê Tấn Sanh	05/01/1946	Công an viên thôn Hòa Huân	01/7/1999	09/10/2019	20 năm 3 tháng		20,5	1.573.750	48.393.000	
	Xã Hành Nhân										
7	Quảng Chí Hưng	10/10/1963	Công an viên thôn Tân Thành	22/01/2003	28/10/2019	16 năm 9 tháng		17	1.580.833	40.311.000	
	Xã Hành Thiện										
8	Võ Văn Khánh	07/10/1960	Công an viên thôn Ngọc Dạ	28/3/2000	30/9/2019	19 năm 6 tháng		20,5	1.573.750	48.393.000	
III	Huyện Tư Nghĩa									456.138.000	
	Xã Nghĩa Phương										

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh trước khi nghỉ việc	Thời điểm giữ chức danh	Thời điểm chức danh	Tổng thời gian giữ chức danh	Trong đó		Lương và phụ cấp bình quân để tính trợ cấp	Tổng kinh phí chi trả trợ cấp 01 lần (quy tròn)	Ghi chú
							Thời gian đã hưởng theo chính sách BHXH	Thời gian được trợ cấp 01 lần (năm)			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)*(11)*1,5	(13)
9	Dinh Văn Long Xã Nghĩa Thương	12/9/1964	Công an viên thôn An Đại 3	01/11/2004	16/01/2020	15 năm 3 tháng		15,5	1.602.083	37.248.000	
10	Nguyễn Đức Minh Xã Nghĩa Hòa	20/12/1962	Công an viên thôn Điện An 1	15/10/2001	07/01/2020	18 năm 3 tháng		18,5	1.595.000	44.261.000	
11	Nguyễn Văn Tuấn	02/06/1967	Công an viên thường trực	01/8/1997	25/6/2019	21 năm 11 tháng	6 năm 9 tháng	15,0	1.552.500	34.931.000	
12	Đỗ Rô Xã Nghĩa Kỳ	02/4/1964	Phó trưởng công an xã	24/8/2004	30/8/2019	15 năm	8 năm 02 tháng	7,0	1.566.667	16.450.000	
13	Trình Quốc Cường	10/10/1957	Công an viên thôn Xuân Phố Tây	13/9/2002	03/8/2020	17 năm 11 tháng		18,0	1.644.583	44.404.000	
14	Trình Trung Kiên	10/02/1957	Công an viên thôn An Hội Bắc 3	13/9/2002	03/8/2020	17 năm 11 tháng		18,0	1.644.583	44.404.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh trước khi nghỉ việc	Thời điểm giữ chức danh	Thời điểm thôi giữ chức danh	Tổng thời gian giữ chức danh	Trong đó		Lương và phụ cấp bình quân để tính trợ cấp	Tổng kinh phí chi trả trợ cấp 01 lần (quy tròn)	Ghi chú
							Thời gian đã hưởng theo chính sách BHXH	Thời gian được tính trợ cấp 01 lần (năm)			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)*(11)*1,5	(13)
15	Nguyễn Viên	03/5/1963	Công an viên thôn An Hội Bắc 2	16/9/2001	03/8/2020	18 năm 11 tháng		19,0	1.644.583	46.871.000	
16	Nguyễn Ngọc Trung	20/02/1957	Công an viên thôn An Hội Bắc 1	16/9/2001	03/8/2020	18 năm 11 tháng		19,0	1.644.583	46.871.000	
17	Bạch Ngọc Hòa	12/01/1965	Công an viên thôn Xuân Phổ Đông	22/02/2000	03/8/2020	20 năm 5 tháng		20,5	1.644.583	50.571.000	
	Xã Nghĩa Lâm										
18	Huỳnh Quốc Tịch	08/10/1968	Công an viên thôn 6	01/01/2002	31/01/2020	18 năm 01 tháng		18,0	1.602.083	43.256.000	
	Xã Nghĩa Trung										
19	Bùi Hữu Nhân	02/3/1954	Công an viên thôn Điền Trang	28/8/2001	31/7/2020	18 năm 11 tháng		19,0	1.644.583	46.871.000	
IV	Huyện Đức Phổ									83.802.000	
	Xã Phó Minh										

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh trước khi nghỉ việc	Thời điểm giữ chức danh	Thời điểm thôi giữ chức danh	Tổng thời gian giữ chức danh	Trong đó		Lương và phụ cấp bình quân để tính trợ cấp	Tổng kinh phí chi trả trợ cấp 01 lần (quy tròn)	Ghi chú
							Thời gian đã hưởng theo chính sách BHXH	Thời gian được tính trợ cấp 01 lần (năm)			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(10)*(11)*1,5	(13)
20	Võ Hân	10/02/1954	Công an viên thôn Tân Bình	01/8/2000	25/9/2019	19 năm 02 tháng		19,0	1.573.750	44.852.000	
21	Trần Việt Đức	21/4/1972	Công an viên thôn Trường Sơn	01/6/2003	25/9/2019	16 năm 4 tháng		16,5	1.573.750	38.950.000	
V	Huyện Bình Sơn Xã Bình Trung									239.707.000	
22	Phạm Hồng Trơ	15/10/1961	Công an viên thôn Đông Thuận	20/7/2000	27/9/2018	18 năm 02 tháng		18,0	1.490.250	40.237.000	
23	Bùi Xuân Quang	04/01/1957	Công an viên thôn Phú Lễ 1	01/5/2002	01/3/2018	15 năm 10 tháng		16,0	1.416.167	33.988.000	
	Xã Bình Nguyên										
24	Nguyễn Duy Cương	10/7/1956	Phó trưởng công an xã Bình Nguyên	04/02/1987	01/8/2017	30 năm 6 tháng	05 năm 7 tháng	25,0	1.400.367	52.514.000	
25	Trần Trung Trình	02/6/1955	Công an viên	23/7/1995	17/6/2017	21 năm 11 tháng		22,0	1.332.500	43.973.000	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh trước khi nghỉ việc	Thời điểm giữ chức danh	Thời điểm thôi giữ chức danh	Tổng thời gian giữ chức danh	Trong đó		Lương và phụ cấp bình quân để tính trợ cấp	Tổng kinh phí chi trả trợ cấp 01 lần (quy tròn)	Ghi chú
							Thời gian đã hưởng theo chính sách BHXH	Thời gian được tính trợ cấp 01 lần (năm)			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12) = (10) * (11) * 1,5	(13)
	Xã Bình Châu										
26	Ngô Hồng Hạnh	10/10/1963	Công an viên thôn Châu Thuận Nông	18/7/1996	31/10/2012	16 năm 3 tháng		16,5	569.550	14.096.000	
27	Trần Hùng Mạnh	15/4/1954	Công an viên xã	01/1993	30/4/2010	17 năm 3 tháng		17,5	266.733	7.002.000	
	Thị trấn Châu Ó										
28	Phạm Hồng Lợi	20/10/1960	Công an viên thôn Giao Thủy	17/01/2001	01/7/2020	19 năm 5 tháng		19,5	1.637.500	47.897.000	

Danh sách này có 28 người./.